

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: CHA /UBND

Về việc công khai tình hình thực hiện
dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2019

Hòa Thành, ngày 15 tháng 7 năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh
- Sở Tài chính Tây Ninh
- Văn phòng huyện ủy
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện
- Viện kiểm sát nhân dân huyện
- Tòa án nhân dân huyện
- Cơ quan của các đoàn thể ở huyện
- Ủy ban Nhân dân các xã, thị trấn

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2614/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện Hòa Thành về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn huyện Hòa Thành;

Ủy ban Nhân dân huyện Hòa Thành công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2019, cụ thể như sau:

1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2019.

+ Cân đối ngân sách huyện (Biểu số 93/CK-NSNN)

+ Thực hiện thu ngân sách nhà nước (Biểu số 94/CK-NSNN)

+ Thực hiện chi ngân sách huyện (Biểu số 95/CK-NSNN)

2. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2019.

Trên đây là công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Hòa Thành. *lll*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP HĐND-UBND huyện.
(Đưa lên cổng thông tin điện tử huyện)



**CHỦ TỊCH
HỒ CHỮ TỊCH**

Lê Hồng Vân

Số: 222/BC-UBND

Hòa Thành, ngày 15 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

I. Thu ngân sách: (Biểu số 94/CK-NSNN)

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (thu nội địa) lũy kế đến ngày 30/6/2019 là 152.035 triệu đồng, đạt 58,48 % dự toán, so cùng kỳ tăng 24,85 %, cụ thể như sau:

***Có 01/07 khoản thu đạt trên 75 % so dự toán gồm:**

+ Các khoản thu về nhà đất: 23.628 triệu đồng, đạt 84,99 % dự toán.

***Có 06/07 khoản thu đạt trên 50 % so dự toán gồm:**

+ Thu phí, lệ phí: 3.483 triệu đồng, đạt 60,05 % dự toán.

+ Thuế thu nhập cá nhân: 15.408 triệu đồng, đạt 57,07 % dự toán.

+ Thu khác tại xã: 1.938 triệu đồng, đạt 57,00 % dự toán.

+ Thu khác ngân sách: 4.764 triệu đồng, đạt 56,05 % dự toán.

+ Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 66.163 triệu đồng, đạt 54,91% dự toán.

+ Lệ phí trước bạ: 36.651 triệu đồng, đạt 54,70 % dự toán.

II. Chi ngân sách: (Biểu số 93/CK-NSNN, Biểu số 95/CK-NSNN)

Tổng chi ngân sách huyện, xã 6 tháng đầu năm 2019 là 217.438 triệu đồng, đạt 52,64 % dự toán, so cùng kỳ tăng 0,33 %. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: 59.268 triệu đồng

2. Chi thường xuyên: 158.170 triệu đồng, đạt 44,03 % so dự toán, 6 tháng đầu năm 2019, ngân sách địa phương đảm bảo nguồn chi các hoạt động thường xuyên, chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ; đảm bảo trợ cấp cho các đối tượng chính sách xã hội và các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao.

- Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề: 93.692 triệu đồng, đạt 65,65% so dự toán.

- Chi đảm bảo xã hội: 13.506 triệu đồng, đạt 52,78 % so dự toán, nguyên nhân do tình bổ sung kinh phí trợ cấp tết cho cán bộ công chức và thăm hỏi các gia đình chính sách, trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội, hỗ trợ tiền điện cho hộ chính sách, hộ nghèo và hộ cận nghèo.

- Chi quốc phòng-an ninh: 10.287 triệu đồng, đạt 51,95 % so dự toán.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 848 triệu đồng, đạt 34,80 % so dự toán.

- Chi phát thanh, truyền hình: 298 triệu đồng, đạt 52,28 % so dự toán.

- Chi sự nghiệp thể thao: 106 triệu đồng, đạt 14,78 % so dự toán.

- Chi sự nghiệp môi trường: 5.389 triệu đồng, đạt 33,81 % so dự toán.

- Chi sự nghiệp kinh tế: 2.873 triệu đồng, đạt 11,43 % so dự toán.

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 28.297 triệu đồng, đạt 48,38 % so dự toán.
- Chi khác: 806 triệu đồng, đạt 49,72 % so dự toán.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Hòa Thành.

Nơi nhận:

- Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tài chính Tây Ninh;
- Văn phòng huyện ủy;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể ở huyện;
- Ủy ban Nhân dân các xã, thị trấn;
- Lưu VP HĐND-UBND huyện.

16. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vân



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=2/1$	<i>4</i>
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	260.000	152.035	58,48	96,53
I	Thu cân đối NSNN	260.000	152.035	58,48	124,85
1	Thu nội địa	260.000	152.035	58,48	124,85
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	413.070	217.438	52,64	100,33
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	413.070	217.438	52,64	100,33
1	Chi đầu tư phát triển	45.090	59.268	131,44	87,50
2	Chi thường xuyên	359.210	158.170	44,03	106,15
3	Dự phòng ngân sách	7.780		0,00	
4	Tạo nguồn cải cách tiền lương	990		0,00	
5	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên				
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh				

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

A	B	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
		1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	260.000	152.035	58,48	124,85
I	Thu nội địa	260.000	152.035	58,48	124,85
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	120.500	66.163	54,91	142,29
4	Thuế thu nhập cá nhân	27.000	15.408	57,07	119,51
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	67.000	36.651	54,70	102,91
7	Thu phí, lệ phí	5.800	3.483	60,05	104,97
8	Các khoản thu về nhà, đất	27.800	23.628	84,99	146,15
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.800	1.444	80,22	125,67
-	Thu tiền sử dụng đất	25.000	21.668	86,67	144,61
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.000	516	51,60	1.517,65
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	8.500	4.764	56,05	94,47
11	Thu khác tại xã (bao gồm: Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác)	3.400	1.938	57,00	86,63
II	Các khoản thu quản lý qua ngân sách				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	269.050	155.644	57,85	127,84
1	Từ các khoản thu phân chia	248.720	123.275	49,56	125,74
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	20.330	32.369	159,22	136,53

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	413.070	217.438	52,64	100,33
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	413.070	217.438	52,64	100,33
I	Chi đầu tư phát triển	45.090	59.268	131,44	87,50
1	Chi đầu tư cho các dự án	45.090	59.268	131,44	87,50
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	359.210	158.170	44,03	106,15
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	205.260	93.692	45,65	105,69
2	Chi khoa học và công nghệ	130	3	2,31	100,00
3	Chi y tế, dân số và gia đình	3.520	1.554	44,15	215,53
4	Chi văn hóa thông tin	2.437	848	34,80	102,42
5	Chi phát thanh, truyền hình	570	298	52,28	71,81
6	Chi thể dục thể thao	717	106	14,78	32,82
7	Chi bảo vệ môi trường	15.940	5.389	33,81	106,40
8	Chi hoạt động kinh tế	25.139	2.873	11,43	76,13
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	58.484	28.297	48,38	105,93
10	Chi bảo đảm xã hội	25.590	13.506	52,78	106,00
11	Chi quốc phòng-an ninh	19.802	10.287	51,95	117,51
12	Chi khác	1.621	806	49,72	248,00
13	Tạm chi chưa đưa vào cân đối NSNN		511		73,63
III	Dự phòng ngân sách	7.780			
IV	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên				
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	990			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				